|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ****\_\_\_\_\_\_\_\_**Số: /2025/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày tháng năm 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP* *ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu Điều 1 như sau:

“Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu, Luật Đất đai về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, ***dự án đầu tư kinh doanh thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực*** gồm:”;

b) Bổ sung điểm l và sau điểm k như sau:

***“k1) Khoản 5 Điều 87 về xử lý vi phạm trong hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư;”;***

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Điều kiện về năng lực, kinh nghiệm của thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định; kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia với các hệ thống thông tin khác; ***quản lý nhà nước về đấu thầu*** thực hiện theo quy định tương ứng tại các Điều 19, 96, ***114a*** và 125 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

**“Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư ***kinh doanh*** quy định tại Điều 4 và ***Điều 4a*** của Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động đấu thầu không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 4và ***Điều 4a*** của Nghị định này được chọn áp dụng Luật Đấu thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Luật Đấu thầu.”

3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Bên mời quan tâm là cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn, cơ quan, đơn vị trực thuộc ***hoặc thuộc*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban Quản lý khu kinh tế (đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế) hoặc cơ quan khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; ***Ủy ban nhân dân cấp xã*** được giao thực hiện thủ tục mời quan tâm.”;

b) Bãi bỏ khoản 3.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm g như sau:

“g) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về nhà ở khi có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm cùng đăng ký thực hiện. Quy định tại điểm này không bao gồm dự án nhà ở xã hội quy định tại các khoản 1,2,3 và điểm c khoản 4 Điều 84 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, ***quy định tại Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội***; dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 68 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân quy định tại khoản 1 Điều 106 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;”;

5. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 như sau:

**“Điều 4a. Dự án đầu tư kinh doanh thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực**

 ***1. Dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và không sử dụng đất, không thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm:***

***a) Dự án kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế theo quy định của pháp luật về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế;***

***b) Dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đối với kết cấu hạ tầng hàng hải, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về giao thông hàng hải và đường thủy nội địa;***

***c) Dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu khi có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm cùng đăng ký thực hiện, gồm: dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường theo quy định của pháp luật về khuyến khích xã hội hóa.***

***2. Dự án không có nhu cầu sử dụng đất thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực phải đáp ứng điều kiện không thuộc diện đấu giá tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.”***

6. Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 5 như sau:

***“7. Đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2a Điều 39 của Luật Đấu thầu, nhà đầu tư không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều này.”***

7. Bổ sung điểm c và điểm d vào sau điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:

**“**c) ***Nhà đầu tư nước ngoài tham gia lựa chọn nhà đầu tư quốc tế có cam kết chuyển giao công nghệ cho nhà đầu tư trong nước được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá hồ sơ dự thầu;***

***d) Nhà đầu tư là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận, trung tâm đổi mới sáng tạo; tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá hồ sơ dự thầu***.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

1. Trường hợp có kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư do người có thẩm quyền giải quyết, nhà đầu tư có trách nhiệm nộp kinh phí giải quyết kiến nghị cho bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị (sau đây gọi là Hội đồng tư vấn) ***đồng thời với đơn kiến nghị.***

9. Bãi bỏ Điều 9

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

**“ Điều 10. Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư**

***1. Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất,*** căn cứ danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư làm cơ sở thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư.

2. Cơ quan có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn ***môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã*** để đăng tải quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 47 của Luật Đấu thầu trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.”

11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 11 như sau:

**“Điều 11. Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư”**

b) Sửa đổi khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Đối với dự án do cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện:

a) ***Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất,*** căn cứ danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, người có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế, cơ quan khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; ***Ủy ban nhân dân cấp xã*** tổ chức lập hồ sơ đề xuất dự án gồm nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 47 của Luật Đấu thầu bảo đảm đáp ứng quy định tại Điều 4 của Nghị định này;

b) Đối với dự án đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 5 của Nghị định này, người có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế, cơ quan khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; ***Ủy ban nhân dân cấp xã***, tổ chức lập hồ sơ đề xuất dự án gồm nội dung quy định tại các điểm b, c, d, d và e khoản 2 Điều 47 của Luật Đấu thầu bảo đảm đáp ứng quy định tại Điều 5 của Nghị định này;

c) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này trình người có thẩm quyền phê duyệt thông tin dự án. Văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất gồm nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 47 của Luật Đấu thầu;

d) ***Cơ quan có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã*** để đăng tải thông tin dự án đầu tư ***kinh doanh*** trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt thông tin dự án.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. ***Cơ quan có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã*** đăng tải bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản phê duyệt được ban hành.”

12. Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 2 Điều 22 như sau:

“i) Nhà đầu tư phải thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai ***(đối với dự án đầu tư có sử dụng đất)***;”

13. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 3 như sau:

“a) Thông tin chung về dự án gồm: tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; vốn đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án ***(nếu có)***; mục đích sử dụng đất ***(nếu có)***; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt; thời hạn, tiến độ thực hiện dự án;”;

b) Sửa đổi điểm d khoản 3 như sau:

“d) Yêu cầu về đối tượng, điều kiện được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai ***(áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất)***;”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 37 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thủ tục mời quan tâm được áp dụng đối với dự án cần xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại các điểm e, g, h, i và k khoản 2 Điều 4 hoặc ***điểm c khoản 1 Điều 5*** của Nghị định này, ***không áp dụng đối với dự án thuộc trường hợp chỉ định nhà đầu tư theo quy định khoản 2a Điều 34 của Luật Đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 34a của Luật Đấu thầu***.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Người có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc, ***cơ quan thuộc*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế; ***Ủy ban nhân dân cấp xã*** làm bên mời quan tâm.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. ***Cơ quan có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã đăng tải*** thông tin và mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.”.

15. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 39 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Yêu cầu về đối tượng, điều kiện được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai ***(áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất)***;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Tiêu chuẩn đánh giá sơ bộ về năng lực của nhà đầu tư, gồm:

a) Yêu cầu vốn chủ sở hữu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 của Nghị định này;

b) Đối với dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản này, tiêu chuẩn đánh giá sơ bộ về năng lựcgồm yêu cầu về sơ bộ phương án bồi thường, tái định cư theo quy định của pháp luật về nhà ở.”;

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 41 như sau:

“1. Nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm. Thời gian chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu là ***20*** ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời quan tâm đến ngày có thời điểm đóng thầu.”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 44a như sau:

**“Điều 44a. Trường hợp áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt**

1. Dự án có yêu cầu bảo đảm lợi ích quốc gia, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia theo chỉ đạo tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước về việc thực hiện dự án mà nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại ***các khoản 1, 2 và 2a*** Điều 34 của Luật Đấu thầu thì không thể thực hiện được theo yêu cầu.

2. Dự án có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34a của Luật Đấu thầu được xác định trên cơ sở ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại ***các khoản 1, 2 và 2a*** Điều 34 của Luật Đấu thầu.

***3. Dự án có yêu cầu thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ để thực hiện dự án thuộc các lĩnh vực chiến lược, các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, quan trọng quốc gia mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 2a Điều 34 của Luật Đấu thầu.***

***4. Dự án có yêu cầu đặc thù về thủ tục đầu tư hoặc thủ tục lựa chọn nhà đầu tư hoặc thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển quy định tại điểm c khoản 1 Điều 34a của Luật Đấu thầu được xác định trên cơ sở một trong các trường hợp:***

***a) Có thủ tục, phương pháp, tiêu chuẩn lựa chọn nhà đầu tư và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh đặc biệt mà không thể áp dụng đầy đủ quy trình, thủ tục, nội dung lựa chọn nhà đầu tư khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn ch hoặc chỉ định nhà đầu tư;***

 ***b) Có yêu cầu về rút gọn hoặc đặc biệt về thủ tục đầu tư hoặc thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển mà nếu quy định đầy đủ quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai thì không thể đáp ứng yêu cầu triển khai dự án.***

***5. Dự án có điều kiện đặc thù khác mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 2a Điều 34 của Luật Đấu thầu.”.***

18. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 44b như sau:

a) Sửa đổi đoạn đầu của khoản 1 như sau:

“1. ***Người có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn lập hồ sơ đề nghị áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt. Hồ sơ gồm các tài liệu sau đây:”;***

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

**“**a) Tờ trình đề nghị áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, gồm các nội dung sau: Thông tin cơ bản của dự án; giải trình về sự cần thiết và lý do phải áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt; thuyết minh phương án lựa chọn nhà đầu tư gồm các nội dung chủ yếu về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, điều kiện ký kết hợp đồng và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của dự án; đề xuất và kiến nghị;

***Đối với dự án quy định tại******khoản 1 Điều 44a của Nghị định này, tờ trình nêu rõ căn cứ yêu cầu thực hiện dự án, chỉ đạo tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước.”.***

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Các bộ, cơ quan có liên quan đối với dự án quy định tại ***các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 44a*** của Nghị định này (nếu cần).”.

19. Bổ sung Chương IVb hpp,g Điều 44 c và Điều 44d vào sau Chương IVa như sau:

**“Chương IVb**

**CHỈ ĐỊNH NHÀ ĐẦU TƯ**

***Điều 44c. Các trường hợp áp dụng chỉ định nhà đầu tư***

***1. Dự án do nhà đầu tư đề xuất mà nhà đầu tư có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ chiến lược phải thuộc danh mục công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.***

***2. Dự án cần tiếp tục lựa chọn nhà đầu tư trước đó đã triển khai hạ tầng số, nền tảng số nhằm bảo đảm tương thích, đồng bộ, kết nối về kỹ thuật.***

***3. Dự án đầu tư kinh doanh cần đẩy nhanh tiến độ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia do nhà đầu tư đề xuất gồm các trường hợp sau:***

***a) Dự án do nhà đầu tư đề xuất có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ;***

***b) Dự án do nhà đầu tư đề xuất có yêu cầu bảo đảm lợi ích quốc gia theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ.***

**Điều 44c. Quy trình chỉ định nhà đầu tư**

***1. Bên mời thầu xác định yêu cầu thực hiện dự án gồm:***

***a) Xác định yêu cầu về năng lực, tư cách hợp lệ, tiêu chuẩn đánh giá đề xuất của nhà đầu tư gồm:, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương đối với nhà đầu tư được đề nghị chỉ định;***

b) ***Xây dựng dự thảo hợp đồng gồm các nội dung theo quy định tại******khoản 1 Điều 73 của Luật Đấu thầu và Hướng dẫn lập hợp đồng mẫu dự án đầu tư kinh doanh tại******Phụ lục III kèm theo Nghị định này.***

***2. Căn cứ báo cáo của bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt các nội dung sau:***

***a) Hình thức chỉ định nhà đầu tư, tên bên mời thầu;***

***b) Yêu cầu về năng lực, tư cách hợp lệ, tiêu chuẩn đánh giá đề xuất của nhà đầu tư và dự thảo hợp đồng;***

***c) Tên nhà đầu tư được đề nghị chỉ định.***

***3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền hoặc bên mời thầu (trường hợp được ủy quyền) phê duyệt nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, bên mời thầu đánh giá năng lực, tư cách hợp lệ, đề xuất của nhà đầu tư và đàm phán với nhà đầu tư, các bên liên quan (nếu có) về dự thảo hợp đồng.***

***2. Căn cứ kết quả đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng dự án với nhà đầu tư.***

***4. Việc công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư, công khai thông tin hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại các******điểm b, c khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Nghị định này.***

***5. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư và hợp đồng dự án được ký kết, việc triển khai thực hiện dự án đầu tư kinh doanh theo quy định tại Chương VI của Nghị định này.”.***

20. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 45 như sau:

***“4a. Đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 4a của Nghị định này, điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm năng lực, điểm phương án đầu tư kinh doanh và điểm hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương, bảo đảm tổng tỷ trọng là 100%, trong đó:***

***a) Điểm năng lực chiếm tỷ trọng từ 30% đến 40% tổng số điểm;***

***b) Điểm phương án đầu tư kinh doanh chiếm tỷ trọng từ 30% đến 50% tổng số điểm;***

***c) Điểm hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương chiếm tỷ trọng từ 10% đến 40% tổng số điểm”.***

21. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 46 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều như sau:

**“Điều 46. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực”**

b) Sửa đổi đoạn đầu của khoản 2 như sau:

“2. ***Hồ sơ mời thầu quy định nguyên tắc xác định tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự căn cứ lĩnh vực; quy mô đầu tư; thời gian và mức độ hoàn thành công trình, dự án làm cơ sở nhà đầu tư quyết định chuẩn bị tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự***, gồm các tiêu chí sau đây:”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

***“3. Trường hợp nhà đầu tư quyết định chuẩn bị tài liệu chứng kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự,*** nhà đầu tư được sử dụng kinh nghiệm của đối tác để chứng minh kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự quy định tại khoản 2 Điều này. Đối tác là tổ chức ký kết hợp đồng với nhà đầu tư hoặc là công ty con của nhà đầu tư, được nhà đầu tư đề xuất trong hồ sơ dự thầu để cùng tham gia thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất. Trong trường hợp này, kinh nghiệm của đối tác và khả năng đáp ứng công việc đối tác tham gia cùng thực hiện phải được đánh ***giá căn cứ nguyên tắc*** quy định tại hồ sơ mời thầu.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Đối với dự án đầu tư ***kinh doanh*** đã thực hiện thủ tục mời quan tâm và có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 của Nghị định này, tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm ***(nếu có)*** trong hồ sơ mời thầu phải được cập nhật, bổ sung căn cứ hồ sơ mời quan tâm được phê duyệt, các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này và các văn bản quy định tại Điều 13 của Nghị định này.”.

22. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 47 như sau**:**

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 1 như sau:

“1. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật ***đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này***:”;

b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

***“1a. Ngoài tiêu chuẩn đánh giá quy định tại các điểm b, c và k khoản 1 Điều này, tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 4a của Nghị định này gồm:***

***a) Yêu cầu về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (gồm phạm vi, quy mô, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, thời gian, tiến độ, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình) với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật có liên quan;***

***b) Đối với dự án kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế, tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật gồm các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, c khoản này và yêu cầu về sự phù hợp của phương án đầu tư hệ thống đặt cược, phương án kinh doanh đặt cược với quy định của pháp luật về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế;***

***c) Đối với dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đối với kết cấu hạ tầng hàng hải, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa, tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật gồm các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, c khoản này và yêu cầu về kỹ thuật chuyên ngành, phạm vi, quy mô nạo vét, khối lượng sản phẩm tận thu.”;***

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu của điểm a khoản 2 như sau:

“a) Yêu cầu về phương án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có) ***đối với dự án đầu tư có sử dụng đất***;”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 như sau:

“d) Yêu cầu về chỉ tiêu sử dụng đất, hệ số sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng; yêu cầu về việc sử dụng tài nguyên theo quy định của pháp luật; khả năng bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện đất, tài nguyên, hệ sinh thái tự nhiên tại khu vực thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường ***(áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất)***;”.

23. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 48 như sau:

Bổ sung khoản 6a và khoản 6b vào sau khoản 6 như sau:

***“6a. Đối với khu đất, quỹ đất, thửa đất quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều này, bên mời thầu sử dụng khu đất, quỹ đất, thửa đất trên tất cả địa bàn đơn vị hành chính cấp xã có công trình, hạng mục của dự án (trừ hạng mục công trình tuyến) đối với khoảng thời gian sau thời điểm thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và khu đất, quỹ đất, thửa đất thuộc địa bàn đơn vị hành chính cấp huyện đối với khoảng thời gian tham chiếu trước thời điểm thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.***

***6b. Đối với khu đất, quỹ đất, thửa đất quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều này trong khoảng thời gian tham chiếu trước thời điểm Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành, trường hợp địa phương xác định có diễn biến bất thường của giá đất và đã thực hiện điều chỉnh bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với địa bàn quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều này, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc không tham chiếu các khu đất, quỹ đất, thửa đất có tỷ lệ tăng qua đấu giá cao hơn 20% so với mức tăng bình quân sau trúng đấu giá của các khu đất, quỹ đất, thửa đất có tỷ lệ phản ánh diễn biến bất thường khác. Việc xác định tỷ lệ phản ánh diễn biến bất thường khác do người có thẩm quyền xem xét, quyết định cụ thể.”.***

24. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 49 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu của khoản 1 như sau:

“1. Tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương được áp dụng đối với dự án quy định tại khoản 2 Điều 4 ***và khoản 1 Điều 4a*** của Nghị định này. Căn cứ yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương, trừ dự án quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương được xây dựng trên cơ sở một trong các tiêu chuẩn sau đây:”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 như sau:

“g) Diện tích sử dụng đất, hệ số sử dụng đất tối đa ***(áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất)***.”.

c) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau:

***“4a. Đối với dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đối với kết cấu hạ tầng hàng hải, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương là tiêu chuẩn giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước quy định trong hồ sơ mời thầu và được xác định như sau:***

***a) Giá trị tối thiểu phần chênh lệch giữa kinh phí nạo vét và giá trị sản phẩm tận thu trong trường hợp kinh phí nạo vét của dự án nhỏ hơn hoặc bằng giá trị sản phẩm tận thu;***

***b) Giá trị tối đa phần chênh lệch giữa kinh phí nạo vét và giá trị sản phẩm tận thu trong trường hợp kinh phí nạo vét của dự án lớn hơn giá trị sản phẩm tận thu.”;***

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Giá trị, tỷ lệ quy định tại điểm a, điểm b khoản, điểm a, điểm b khoản 3 và ***khoản 4a*** Điều này độc lập với nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu của khoản 6 như sau:

“6. Việc nộp vào ngân sách nhà nước các giá trị quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, điểm a, điểm b khoản 3 và ***khoản 4a*** Điều này được thực hiện như sau:”.

25. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Nhà đầu tư trúng thầu trực tiếp thực hiện dự án hoặc thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư ***kinh doanh***. ***Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất,*** nhà đầu tư nước ngoài trúng thầu phải thành lập tổ chức kinh tế để được giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai.

Việc thành lập, tổ chức quản lý, hoạt động, giải thể tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế, pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, kinh doanh bất động sản và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải do nhà đầu tư trúng thầu nắm giữ 100% vốn điều lệ, đáp ứng điều kiện để được giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai ***(áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất)*** và các điều kiện thành lập, tổ chức quản lý, hoạt động, giải thể theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế, pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, kinh doanh bất động sản và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai ***(áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất)***;”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 như sau:

“c) Thực hiện nghĩa vụ tài chính về nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai ***(áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất)***.”.

26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 52 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. ***Đối với dự án đầu tư co sử dụng đất,*** nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp quá thời hạn kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không ứng đủ vốn, nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 75 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, việc hoàn trả kinh phí cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà nhà đầu tư trúng thầu đã ứng trước được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng phải có tư cách pháp lý và đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế, pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, kinh doanh bất động sản và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; phải kế thừa quyền và nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư mà nhà đầu tư chuyển nhượng đã cam kết tại hồ sơ dự thầu và hợp đồng dự án.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 như sau:

“c) Kể từ khi dự án khai thác, vận hành, việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế mà không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản này.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư ***kinh doanh***, trường hợp có yêu cầu phải điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của Luật Đấu thầu (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này) hoặc điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư dẫn đến thay đổi nội dung hợp đồng dự án, người có thẩm quyền giao bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đồng thời giao bên mời thầu rà soát nội dung hợp đồng để sửa đổi, bổ sung sau khi dự án đầu tư được điều chỉnh.”.

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 53 như sau:

***“3. Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất,*** nhà đầu tư được chấp thuận được giao đất, cho thuê đất, thực hiện nghĩa vụ tài chính về nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.”.

28. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 56 như sau:

“3. Phê duyệt hồ sơ mời thầu hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc, ***cơ quan thuộc*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý khu kinh tế; ***Ủy ban nhân dân cấp xã*** phê duyệt hồ sơ mời thầu.”.

29. Sửa đổi tên Điều 57 như sau:

**“Điều 57. Trách nhiệm của cơ quan thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc, *cơ quan thuộc* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý khu kinh tế; Ủy ban nhân dân cấp xã”.**

30. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 59 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Trường hợp sau khi đánh giá hồ sơ dự thầu mà có từ hai nhà đầu tư trở lên có điểm tổng hợp cao nhất và ngang nhau thì nhà đầu tư có điểm cao hơn về hiệu quả sử dụng đất đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này hoặc nhà đầu tư có điểm cao hơn về năng lực đối với dự án quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và k khoản 2 Điều 4, ***dự án quy định tại khoản 1 Điều 4a*** của Nghị định này hoặc nhà đầu tư có điểm cao hơn về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương đối với dự án quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 của Nghị định này được xem xét, đề nghị trúng thầu.”;

b) Bổ sung khoản 10a vào sau khoản 10 như sau:

***“10a. Trường hợp nhà đầu tư đang trong quá trình tham dự thầu nhưng bị sáp nhập thì nhà đầu tư sau khi sáp nhập được tiếp tục tham dự thầu và được kế thừa năng lực trong đấu thầu của nhafd dầu tư bị sáp nhập.”;***

đ) Bãi bỏ khoản 11, khoản 12, khoản 13,

31. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 60 như sau:

“1. ***Trách nhiệm*** kiểm tra hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

a) Bộ Tài chính chủ trì tổ chức kiểm tra hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư ***tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương*** theo kế hoạch định kỳ ***do Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt*** trên phạm vi cả nước;

b) ***Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương chủ trì tổ chức kiểm tra hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án do mình là cơ quan có thẩm quyền hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình.***

c) ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì tổ chức kiểm tra hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án do mình là cơ quan có thẩm quyền hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình. Sở Tài chính giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.”.***

32. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 61 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án do mình là người có thẩm quyền trên địa bàn quản lý. Sở Tài chính chịu trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư tại địa phương mình.

***Người có thẩm quyền giao cá nhân hoặc đơn vị trực thuộc có chuyên môn về đấu thầu độc lập với bên mời thầu, tổ chuyên gia, tổ thẩm định thực hiện việc giám sát hoạt động đấu thầu đối với tất cả các dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt hoặc một số dự án khác trường hợp cần thiết trong phạm vi quản lý của mình.***

***Việc xác định tên cơ quan, cá nhân giám sát được người có thẩm quyền phê duyệt tại Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động trong lựa chọn nhà đầu tư.”;***

b) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

***“3a. Trách nhiệm của cá nhân hoặc đơn vị thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu:***

***a) Trung thực, khách quan; không gây phiền hà cho bên mời thầu, tổ chuyên gia, tổ thẩm định trong quá trình giám sát;***

***b) Yêu cầu bên mời thầu, tổ chuyên gia, tổ thẩm định cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan phục vụ quá trình giám sát;***

***c) Tiếp nhận thông tin phản ánh của nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư của dự án đang thực hiện giám sát;***

***d) Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật;***

***đ) Chịu trách nhiệm về kết quả giám sát của mình;***

***e) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.”.***

33. Bổ sung Điều 61a vào sau Điều 61 như sau:

**“Điều 61a. Xử lý vi phạm trong hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư**

***1. Thời gian cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, bao gồm cả cá nhân thuộc cơ quan có thẩm quyền, bên mời quan tâm, bên mời thầu:***

***a) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các******khoản 1, 2, 4 và điểm a khoản 3 Điều 16 của Luật Đấu thầu;***

***b) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 01 năm đến 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm*** ***điểm c khoản 3; khoản 5; điểm h khoản 6 Điều 16 của Luật Đấu thầu;***

***c) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các******điểm a, b, c, d, đ, e khoản 6 và khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu;***

***Đối với nhà thầu liên danh, việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu áp dụng với tất cả thành viên liên danh khi một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm quy định tại******Điều 16 của Luật Đấu thầu, trừ trường hợp: thành viên liên danh vi phạm quy định tại******điểm c khoản 3, khoản 4, các điểm b, c, d, đ khoản 5, các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 6, khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì chỉ cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với thành viên đó mà không cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các thành viên còn lại.***

***2. Phạm vi cấm tham gia hoạt động đấu thầu được quy định như sau:***

***a) Người có thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các dự án trong phạm vi quản lý của mình;***

***b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương;”***

***c) Khi Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ghi nhận nhà đầu tư đang bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu thầu tại 03 quyết định khác nhau của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì nhà đầu tư sẽ không được tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo thời hạn dài nhất trong số 03 quyết định này. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sẽ gửi thông báo cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên toàn quốc đến tài khoản của nhà đầu tư được đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.***

***Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này phải được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý, cơ quan, đơn vị có liên quan và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.***

***3. Trường hợp tổ chức, cá nhân có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thuộc cùng phạm vi quản lý của người có thẩm quyền và các hành vi này chưa bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu thì người có thẩm quyền ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu với thời gian cấm được xác định bằng tổng thời gian cấm của các hành vi vi phạm nhưng tối đa không quá 05 năm.***

***4. Thời hiệu áp dụng biện pháp cấm tham gia hoạt động đấu thầu quy định tại khoản 1 Điều này là 10 năm tính từ ngày xảy ra hành vi vi phạm.***

***5. Người có thẩm quyền xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được một trong các tài liệu sau:***

***a) Văn bản đề nghị của bên mời thầu kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm;***

***b) Kiến nghị tại kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán nhà nước;***

***c) Kết quả giải quyết kiến nghị của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị;***

***d) Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó xác định hành vi vi phạm.***

***6. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, người có thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 4 Điều này hoặc đề nghị Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương. Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu của bên mời thầu.***

***7. Căn cứ quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên phạm vi toàn quốc trong thời hạn 05 năm đối với tổ chức, cá nhân đang bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu tại 03 quyết định khác nhau của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.***

***8. Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu bao gồm các nội dung:***

***a) Tên người có thẩm quyền;***

***b) Tên tổ chức, cá nhân vi phạm;***

***c) Thời gian cấm bao gồm: thời gian cấm đối với hành vi vi phạm (nội dung vi phạm, căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm); thời gian cấm đối với hành vi vi phạm tiếp theo (nếu có); tổng thời gian cấm;***

***d) Phạm vi cấm;***

***đ) Hiệu lực thi hành: ngày có hiệu lực và ngày kết thúc hiệu lực.***

***9. Trường hợp tổ chức, cá nhân bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu không đồng ý với quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu thì có quyền khởi kiện ra Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.***

***10. Thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định có hành vi vi phạm quy định tại******Điều 16 của Luật Đấu thầu******bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này và bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.***

34. Bổ sung Chương VIIIa gồm các Điều 61b, 61c và 61d vào sau Chương VIII như sau:

**“Chương VIIIa**

**GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ TRONG ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

**Điều 61b. Điều kiện xem xét, giải quyết kiến nghị**

***1. Đối với các vấn đề trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư để được xem xét, giải quyết thì đơn kiến nghị phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:***

***a) Đối với kiến nghị về nội dung hồ sơ mời thầu, đơn kiến nghị có thể là của các cơ quan, tổ chức quan tâm đến dự án; đối với các nội dung khác về quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, đơn kiến nghị phải là của nhà đầu tư tham dự thầu;***

***b) Đơn kiến nghị phải có chữ ký, đóng dấu (nếu có) của người đại điện hợp pháp của nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức gửi đơn hoặc được ký số, gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;***

***c) Đơn vị giải quyết kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều 61c Nghị định này nhận được đơn kiến nghị về hồ sơ mời thầu trước thời điểm đóng thầu; nhận được đơn kiến nghị về các nội dung khác về quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư.***

***2. Đối với kết quả lựa chọn nhà đầu tư, để được xem xét, giải quyết kiến nghị, nhà đầu tư phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:***

***a) Đơn kiến nghị là của nhà đầu tư tham dự thầu;***

***b) Đơn kiến nghị phải có chữ ký, đóng dấu (nếu có) của người đại điện hợp pháp của nhà đầu tư tham dự thầu hoặc được ký số, gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;***

***c) Nội dung kiến nghị chưa được nhà đầu tư khởi kiện, khiếu nại, tố cáo;***

***d) Nội dung kiến nghị liên quan trực tiếp đến kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư có đơn kiến nghị;***

***đ) Chi phí giải quyết kiến nghị được nhà thầu có kiến nghị nộp cho bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị (sau đây gọi là bộ phận thường trực) trước hoặc đồng thời với đơn kiến nghị;***

***e) Nhà thầu phải gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền, bên mời thầu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 61c của Nghị định này;***

***3. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà đầu tư tham dự thầu gửi đơn kiến nghị trong đó có nội dung kiến nghị về hồ sơ mời thầu thì nội dung kiến nghị về hồ sơ mời thầu của nhà đầu tư đó sẽ không được xem xét giải quyết.***

***4. Trường hợp kiến nghị của nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức về việc không xem xét, giải quyết kiến nghị.***

**Điều 61c. Quy trình giải quyết kiến nghị**

***1. Việc giải quyết kiến nghị về các vấn đề trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện như sau:***

***a) Nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị đến bên mời thầu trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư;***

***b) Bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức;***

***c) Trường hợp nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc quá thời hạn quy định tại điểm b khoản này mà bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức có quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;***

***d) Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức.***

***2. Việc giải quyết kiến nghị sau khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo một trong hai quy trình sau đây:***

***a) Nhà đầu tư gửi đơn kiến nghị đến bên mời thầu trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà đầu tư.***

***Trường hợp nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc quá thời hạn giải quyết kiến nghị quy định tại điểm này mà bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền thông qua bộ phận thường trực trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu. Người có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị;***

***b) Nhà đầu tư gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền thông qua bộ phận thường trực trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Người có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.***

***3. Thời gian giải quyết kiến nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính từ ngày bộ phận hành chính của người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị nhận được đơn kiến nghị hoặc ngày gửi đơn kiến nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.***

***4. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị căn cứ đơn kiến nghị của nhà đầu tư đề nghị người có thẩm quyền xem xét tạm dừng việc ký kết, thực hiện hợp đồng. Trường hợp chấp thuận đề xuất của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, người có thẩm quyền có văn bản thông báo tạm dừng việc ký kết, thực hiện hợp đồng, trong đó xác định rõ thời gian tạm dừng.***

***5. Văn bản giải quyết kiến nghị phải có kết luận về nội dung mà nhà đầu tư kiến nghị; trường hợp kiến nghị được kết luận là đúng, trong văn bản giải quyết kiến nghị phải nêu rõ biện pháp, cách thức và thời gian để khắc phục hậu quả (nếu có); nhà đầu tư có kiến nghị được nhận lại chi phí giải quyết kiến nghị đã nộp. Trường hợp kiến nghị của nhà đầu tư được kết luận là không đúng thì văn bản trả lời phải giải thích rõ lý do; nhà đầu tư không được hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị đã nộp.***

***6. Trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền, bên mời thầu, nhà đầu tư có quyền khởi kiện ra Tòa án.***

***Điều 61d. Thành phần, trách nhiệm và hoạt động của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị***

***1. Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị bao gồm:***

***a) Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Bộ trưởng Bộ Tài chính thành lập;***

***b) Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương thành lập;***

***c) Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Giám đốc Sở Tài chính thành lập.***

***Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị được thành lập trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà đầu tư.***

***2. Thành phần Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị và bộ phận thường trực của Chủ tịch Hội đồng tư vấn được quy định như sau:***

***a) Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần thiết) và các thành viên khác là đại diện của người có thẩm quyền, cơ quan có liên quan và có thể có đại diện của hiệp hội nghề nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học.***

***Thành viên Hội đồng tư vấn không được là người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp với người ký đơn kiến nghị, cá nhân thuộc bên mời thầu, tổ chuyên gia, tổ thẩm định và người ký phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;***

***b) Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị quy định tại điểm a khoản 1 Điều này là đại diện của Bộ Tài chính. Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị quy định tại điểm b khoản 1 Điều này là đại diện của đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu thuộc các cơ quan này. Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị quy định tại điểm c khoản 1 Điều này là đại diện của Sở Tài chính;***

***c) Bộ phận thường trực của Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị là đơn vị được giao quản lý về hoạt động đấu thầu nhưng không gồm các cá nhân thuộc bên mời thầu, tổ chuyên gia, tổ thẩm định của dự án. Bộ phận thường trực thực hiện các nhiệm vụ về hành chính do Chủ tịch Hội đồng tư vấn quy định; tiếp nhận và quản lý chi phí do nhà thầu có kiến nghị nộp.***

***3. Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị có trách nhiệm sau đây:***

***a) Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có trách nhiệm tư vấn giải quyết kiến nghị trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ yêu cầu;***

***b) Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có trách nhiệm tư vấn giải quyết kiến nghị đối với tất dự án do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương là người có thẩm quyền hoặc quản lý, trừ dự án quy định tại điểm a khoản này;***

***c) Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có trách nhiệm tư vấn giải quyết kiến nghị đối với tất cả dự án trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trừ dự án quy định tại điểm a và điểm b khoản này.***

***4. Hoạt động của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị được quy định như sau:***

***a) Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị hoạt động theo từng vụ việc, làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số. Thành viên được quyền bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình;***

***b) Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin của dự án và các thông tin liên quan khác để thực hiện nhiệm vụ;***

***c) Kết quả giải quyết kiến nghị được gửi đến người có thẩm quyền trong thời hạn 25 ngày đối với kiến nghị của nhà đầu tư kể từ ngày Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị được thành lập.”.***

35. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 62 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. ***Từ ngày 01 tháng 6 năm 2026:*** Thực hiện thủ tục mời quan tâm qua mạng trong nước theo quy định tại Điều 63 của Nghị định này trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (sau đây gọi tắt là Hệ thống).”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. ***Từ ngày 01 tháng 12 năm 2026***: Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư qua mạng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trong nước theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, một giai đoạn hai túi hồ sơ theo quy định tại Điều 64 của Nghị định này trên Hệ thống.”.

 36. Bãi bỏ Điều 66

37. Bãi bỏ Điều 68

38. Bãi bỏ cụm từ “kinh nghiệm” tại các điều, khoản sau: khoản 1 Điều 20; điểm b khoản 1 Điều 22; điểm b khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 39; khoản 2 và khoản 4 Điều 41; điểm b khoản 5 Điều 44b; khoản 2, điểm a khoản 3; khoản 4 Điều 45; tên điều và khoản 6 Điều 46; điểm b và điểm e khoản 1 Điều 50; khoản 6 và khoản 10 Điều 59 và điểm b khoản 3 Điều 63.

39. Thay thế cụm từ “dự án đầu tư có sử dụng đất” bằng cụm từ “dự án đầu tư kinh doanh tại các điều, khoản sau: khoản 3 Điều 1; khoản 1 và khoản 5 Điều 5; tên Điều 10; tên điều và khoản 2 Điều 11; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 12; khoản 1 Điều 15; khoản 1 và khoản 2 Điều 16; tên điều và khoản 1 Điều 31; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 32; điểm b khoản 5 Điều 33; Điều 42; khoản 1 và khoản 2 Điều 43; khoản 6 Điều 46; khoản 2 Điều 51; tên điều vả khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 52; tên Điều, khonar 1 và khoản 2 Điều 53; điểm c khoản 1 Điều 54; điểm b khoản 2 Điều 60; khoản 3 Điều 62;

40. Thay thế cụm từ “dự án đầu tư xây dựng công trình năng lượng” bằng cụm từ “dự án đầu tư kinh doanh điện lực” tại các điều, khoản sau: điểm i khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 14; điểm d khoản 2 Điều 19; khoản 4 Điều 45; điểm m khoản 1 Điều 47; khoản 2 Điều 49;.

41. Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại điểm a khoản 1 Điều 60; thay thế cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Sở Tài chính” tại điểm b khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 58.

**Điều 2. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với dự án đã phát hành hồ sơ mời thầu và đã mở thầu theo quy định của Nghị định số 23/2024/NĐ-CP hoặc Nghị định số 115/2024/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục đánh giá hồ sơ dự thầu theo hồ sơ mời thầu đã phát hành.

2. Đối với dự án đã phát hành thông báo mời quan tâm, hồ sơ mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và đã mở thầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo hồ sơ mời quan tâm đã được phát hành.

Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và Nghị định này;

3. Đối với dự án đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư nhưng đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa đàm phán, ký kết hợp đồng thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức đàm phán, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ dự thầu, hồ sơ mời thầu đã phát hành theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

4. Đối với dự án đang trong quá trình lập hồ sơ mời quan tâm; lập, thẩm định hồ sơ mời thầu nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, bên mời quan tâm, bên mời thầu tổ chức lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu theo quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và Nghị định này.

5. Đối với dự án đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa mở thầu thì bên mời quan tâm, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét tiếp tục mời quan tâm, mời thầu heo hồ sơ đã phát hành hoặc gia hạn thời điểm mở thầu để sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu theo quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và Nghị định này

6. Hợp đồng được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng. Trường hợp pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng không có quy định thì thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và Nghị định này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực hết hiệu lực thi hành.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, CN (2). | **TM. CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG** **[daky]** |